

Số: 23/TB-UBND

Hoàng Tân, ngày 14 tháng 04 năm 2023

THÔNG BÁO

**Niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách
quý I năm 2023**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân phường Hoàng Tân phê chuẩn kết quả thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2022; phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2023”;

Nay UBND phường Hoàng Tân thông báo về việc niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý I năm 2023 cụ thể như sau:

1/ Thời gian niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý I năm 2023 kể từ hồi 7h giờ 00 phút ngày 15 tháng 04 năm 2023 đến 7 giờ 00 phút ngày 15 tháng 05 năm 2023

2/ Địa điểm niêm yết công khai tại: Phòng một cửa của UBND phường Hoàng Tân và cổng thông tin điện tử phường Hoàng Tân

Nội dung này được thông báo trên đài truyền thanh phường

Ủy ban nhân dân phường yêu cầu công chức Kế toán - ngân sách phường, Đài truyền thanh phường thông báo tới toàn thể cán bộ, công chức cơ quan và các đơn vị liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy – HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Đài TT phường;
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Cấp

Đơn vị: UBND phường Hoàng Tân

Chương:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoàng Tân, ngày 14 tháng 04 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

UBND phường Hoàng Tân công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I năm 2023 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	15	2,55	17,00	89,10
I	Số thu phí, lệ phí	15	2,55	17,00	89,10
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	15	2,55	17,00	89,10
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.174,460	4.012,647	77,55	422,42
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.174,460	4.012,647	77,55	422,42
1	Chi quản lý hành chính	4.380,684	814,197	18,59	99,91
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.177,284	770,647	18,45	110,22
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	203,4	43,55	21,41	37,63
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	24	594,194	2.475,81	198.064,67

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	24	0,3	1,25	100,00
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		593,894		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	24	0		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	24			
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội	447,718	114,83	25,65	113,19
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	447,718	114,83	25,65	113,19
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế	122,668	2.471,274	2.014,60	50.259,79
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	122,668	2,459	2,00	50,01
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		2.468,815		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	30	0		
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	30			
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	62	9,458	15,25	60,78
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	62	9,458	15,25	60,78
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	67,39	8,694	12,90	68,14
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	67,39	8,694	12,90	68,14
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	16	0		
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	16			
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Ngày 14 tháng 4 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Cấp

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2023

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	9.727.460	7.187.888	73,89
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	123.000	45.324	36,85
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	4.623.950	3.611.830	78,11
3	Thu bổ sung	4.980.510	1.288.550	25,87
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.980.510	1.245.000	25,00
	- Bổ sung có mục tiêu		43.550	
4	Thu chuyển nguồn		2.242.184	
II	TỔNG SỐ CHI	7.984.736	4.012.646	50,25
1	Chi đầu tư phát triển	3.882.500	3.062.709	78,88
2	Chi thường xuyên	4.102.237	949.937	23,16
3	Dự phòng			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



UBND Phường Hoàng Tân
BIỂU THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2023
Biểu số 114/CK TC - NSNN

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	9.727.460	9.727.460	27.466.190	7.187.888	282,36	73,89
I	Các khoản thu 100%	123.000	123.000	45.324	45.324	36,85	36,85
1	Phí, lệ phí	15.000	15.000	2.550	2.550	17,00	17,00
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	88.000	88.000	34.274	34.274	38,95	38,95
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			8.500	8.500		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	20.000	20.000				
II	Các khoản thu phân chia tỷ lệ phần trăm (%)	4.623.950	4.623.950	23.890.132	3.611.830	516,66	78,11
I	Các khoản thu phân chia						
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất						
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	4.623.950	4.623.950	23.890.132	3.611.830	516,66	78,11
2.1	Thu tiền sử dụng đất	4.553.000	4.553.000	23.701.400	3.555.210	520,57	78,08
2.2	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	49.950	49.950	124.388	37.316	249,02	74,71
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	21.000	21.000	64.344	19.303	306,40	91,92
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			2.242.184	2.242.184		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
		1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
A	B						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.980.510	4.980.510	1.288.550	1.288.550	25,87	25,87
1	Thu bổ sung cân đối	4.980.510	4.980.510	1.245.000	1.245.000	25,00	25,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu			43.550	43.550		



